

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 20/3/2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Thẩm phán:

1/ Bà **Châu Thị Điệp**

2/ Bà **Ngô Thị Kim Khánh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Võ Phạm Phương Hạnh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/3/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 145/2018/TLPT-HNGĐ ngày 04/12/2018 về việc “Ly hôn”;

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 772/2018/HNGĐ-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận 6 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1089/2019/QĐ-PT ngày 13/03/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Chung Bích Vân T1**, sinh năm 1982

Địa chỉ: 288/10B Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 351 Đường H, phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông **Bùi Duy T3** – Luật sư Văn phòng luật sư Quang Thái thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng T2**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 288/10B Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 710/27A Đường D, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: ông Chung Bích Vân T1 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Chung Bích Vân T1 trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Hồng T2 tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận kết hôn số 10 quyền số 01/2009 cấp ngày 14/02/2009).

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại gia đình ông. Năm 2012, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không hòa hợp về tính cách, không có sự tôn trọng lẫn nhau. Hơn nữa, bà T2 còn có thái độ không tôn trọng cha mẹ chồng làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên gay gắt. Ngoài ra, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng còn do ông có tình cảm với người phụ nữ khác, dù hai bên đã tự hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Hiện nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông dọn ra ngoài ở từ tháng 12/2015 và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Ông xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà T2, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được chấm dứt quan hệ hôn nhân.

Về con chung: Có 02 con chung tên Chung Tiểu V, sinh ngày 11/4/2012 và Chung Tiểu U, sinh ngày 29/12/2014. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông đồng ý giao 02 người con cho bà T2 trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 7.500.000đồng cho đến khi các con thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T2 trình bày:

Bà xác nhận thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn theo ông T1 khai là đúng. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn là do vào năm 2012 bà phát hiện ông T1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Cho đến nay, ông T1 vẫn còn duy trì mối quan hệ này. Bà đã nhiều lần khuyên can ông T1 chấm dứt để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng nhau lo cho các con chung nhưng vẫn không có kết quả. Do ông T1 đã dọn ra ngoài ở từ cuối năm 2015, còn bà và các con vẫn sống chung cùng cha mẹ chồng nên vợ chồng không có điều kiện quan tâm, chăm sóc nhau. Bà xác định vẫn còn tình cảm với chồng, mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ, cùng nhau chăm lo cho các con chung.

Về con chung: Xác nhận có 02 người con như ông T1 khai. Nếu ly hôn bà đồng ý nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 người con. Yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 15.000.000đồng/người con.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 772/2018/HNGĐ-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận 6 đã tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Chung Bích Vân T1 đối với chị Nguyễn Thị Hồng T2.

2. Về con chung: Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Chung Bích Vân T1 nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Chung Bích Vân T1 nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26/10/2018, ông Chung Bích Vân T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Chung Bích Vân T1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Từ năm 2015 đến nay và từ sau khi Tòa án nhân dân Quận G giải quyết việc ly hôn đến nay hai bên vẫn không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mục đích hôn nhân không đạt được nên tha thiết yêu cầu Tòa án nhân dân giải quyết ly hôn. Nếu ly hôn ông đồng ý giao 2 con chung cho bà T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.500.000/người con. Tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T2: không đồng ý ly hôn, bà vẫn còn thương chồng, 2 người con còn nhỏ. Mâu thuẫn vợ chồng là do ông T1 đi ra ngoài có quan hệ tình cảm với người khác. Gia đình chồng cũng khuyên can bà cố chờ đợi chồng quay về để đoàn tụ cùng chăm sóc con chung. Nếu ly hôn bà đồng ý nhận trực tiếp nuôi cả 2 người con chung. Yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 15.000.000 đồng/người con. Tài sản chung và nợ chung: không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: qua lời khai của các đương sự cho thấy từ năm 2015 đến nay vợ chồng không sống chung với nhau. Phía chị T2 không có phương án gì níu kéo hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc không sống chung đã qua một thời gian dài xác định tình cảm vợ chồng không còn. Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, cho ông T1 được ly hôn với bà T2.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa. Người tham gia tố tụng đúng, chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung kháng cáo: Ông T1 kháng cáo còn trong hạn luật định. Xét hai bên sống tự nguyện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Ông T1 cho rằng mâu thuẫn gia đình từ năm 2012 kéo dài đến năm 2015 bỏ ra ngoài sinh sống. Nhưng lý do mâu thuẫn ông T1 đưa ra là do vợ chồng không hợp tính tình, thiếu tôn trọng gia đình chồng. Nhưng thực tế cho đến nay bà T2 vẫn sống chung với gia đình cùng cha mẹ chồng. Bà T2 cho rằng vẫn còn thương chồng. Xét mâu thuẫn gia đình chưa đến mức trầm trọng, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông T1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Chung Bích Vân T1 làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đương sự có kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng cáo của ông Chung Bích Vân T1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông T1 và bà Nguyễn Thị Hồng T2 tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn, được UBND Phường 4, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10 quyền số 01/2009 ngày 14/02/2009. Như vậy hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Ngày 15/5/2018, ông T1 nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận G yêu cầu được giải quyết ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng T2. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành do bà T2 không đồng ý ly hôn. Theo lời khai ông T1 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2012, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, thiếu sự tôn trọng nhau, bà T2 không tôn trọng cha mẹ ông và ông đã có tình cảm với người phụ nữ khác. Từ đó cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, đến tháng 12/2015 ông đã đi nơi khác ở. Ý kiến bà T2 không đồng ý, bà cho rằng cuộc sống chung giữa đôi bên hạnh phúc bình thường đến năm 2012. Do bà phát hiện ông T1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng có xảy ra bất hòa. Hiện tại bà và các con vẫn sống chung với cha mẹ chồng, bà xác định vẫn còn thương yêu chồng, mong muốn ông T1 trở về đoàn tụ gia đình.

Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, phía nguyên đơn là ông T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà T2 vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Tòa án cấp sơ

thẩm đã căn cứ vào thời gian chung sống, mục đích của hôn nhân không chấp nhận yêu cầu của ông Chung Bích Vân T1 về việc ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng T2 là đã xem xét toàn diện trên cơ sở thực tế và pháp luật. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật. Do đó, cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T1 và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu được ly hôn bà T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Chung Bích Vân T1 nên về con chung, tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Chung Bích Vân T1 phải chịu.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Chung Bích Vân T1 phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Chung Bích Vân T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của ông Chung Bích Vân T1 về việc ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng T2.

2. Về con chung: Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Chung Bích Vân T1 nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Chung Bích Vân T1 nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Chung Bích Vân T1 phải chịu, căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông T1 đã nộp tại Biên lai thu số 0029279 ngày 29/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T1 đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án phí hôn nhân phúc thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Chung Bích Vân T1 phải chịu, căn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông

T1 đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0010387 ngày 31/10/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Diệp

Ngô Thị Kim Khánh

Trần Thị Nhung



Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Tòa án nhân dân Quận G, TP HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận G;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Tân Bình, TPHCM;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung